TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:15/2020/DS-PT
Ngày: 17-02-2020
"V/v *Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quế Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST, ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2020/QĐPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Thái Văn L, sinh năm 1960 *(vắng mặt);*

2. Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1963 *(có mặt).*

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông L: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1963. Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh *(có mặt).*

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hoàng Oanh - Văn phòng luật sư Sáu Đen, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh *(có mặt).*

- *Bị đơn:* Ông Hứa Văn T, sinh năm 1960 *(có mặt).*
Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Phạm Minh Luận, cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh *(có mặt).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hứa Thị L, sinh năm 1981 *(vắng mặt);*
2. Chị Hứa Thị D, sinh năm 1983 *(vắng mặt);*
3. Anh Hứa Minh H, sinh năm 1992 *(vắng mặt);*
4. Chị Thái Thị Mỹ L, sinh năm 1982 *(vắng mặt);*
5. Chị Thái Trúc P, sinh năm 1990 *(vắng mặt);*
6. Anh Thái Trúc G, sinh năm 1987 *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị L, chị D, chị H: Ông Hứa Văn T, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh *(có mặt).*

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị L, chị P, anh G: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh *(có mặt).*

7. Bà Hứa Thị T, sinh năm 1965 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Trang: Ông Hứa Văn T, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh *(có mặt).*

8. Bà Nguyễn Thị L (chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L gồm:

8.1. Bà Hứa Thị H *(vắng mặt);*

8.2. Ông Hứa Văn C *(vắng mặt);*

8.3. Ông Hứa Văn T, sinh năm 1960 *(vắng mặt);*

8.4. Bà Hứa Thị Đ *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

8.5. Bà Hứa Thị T, sinh năm 1965 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

9. Bà Nguyễn Thị T (chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T gồm:

9.1. Ông Hứa Văn T, sinh năm 1960 *(vắng mặt);*

9.2. Chị Hứa Thị L, sinh năm 1981 *(vắng mặt);*

9.3. Chị Hứa Thị D, sinh năm 1983 *(vắng mặt);*

9.4. Anh Hứa Minh H, sinh năm 1992 *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông C, bà Đ, bà T, chị L, chị D, chị H: Ông Hứa Văn T, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh *(có mặt).*

10. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng P, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh *(Xin vắng mặt).*

Người kháng cáo: Ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2008, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/9/2010, 25/5/2016, 03/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Tuyết M trình bày:

Vào năm 1990, bà Lê Thị Tuyết M và ông Thái Văn L được cha bà M cho thửa đất số 468 diện tích 510m^2, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Hướng Tây thửa đất giáp với thửa đất 467, diện tích 810m^2 của Ông Hứa Văn T, trong quá trình sử dụng ông T lấn chiếm của bà diện tích 36m^2 nên bà M và ông L khởi kiện yêu cầu ông T trả lại 36m^2.

Ngày 22/9/2010 ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M khởi kiện bổ sung cho rằng Ông Hứa Văn T lấn sang đất của bà M và ông L 121m^2 nên khởi kiện yêu cầu ông T trả lại diện tích 121m^2.

Ngày 25/5/2016 ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, do sau khi thẩm định đo đạt diện tích tranh chấp 117m^2 nằm trên thửa 467, 468, 469 và trên đất có 2 cây dừa và 2 cây chuối. Nên bà M, ông L yêu cầu Ông Hứa Văn T trả lại diện tích 117m^2 và di dời 02 cây dừa và 02 cây chuối để trả lại đất.

Ngày 03/7/2017 ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Ông Hứa Văn T trả thêm diện tích 37,3m^2 thuộc thửa số 468, tổng diện tích yêu cầu giải quyết 131,8m^2 thuộc thửa số 468, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và bà đồng ý bồi thường 02 cây dừa, 02 cây chuối cho Ông Hứa Văn T.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê Thị Tuyết M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Ông Hứa Văn T trả lại diện tích 94,5m^2 thuộc thửa 468, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Theo các đơn yêu cầu phản tố ngày 22/9/2015, ngày 07/11/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Hứa Văn T là bị đơn trình bày: Thửa đất số 467 diện tích 810m^2 là của ông bà để lại cho cha ông là Hứa Văn T sử dụng từ trước năm 1975. Trước đây cha ông có cất cái nhà ở trên phần đất tranh chấp, năm 1984 ông T chết ông tiếp tục sử dụng, do nhà ở gần nhà bà M làm ăn không được

nên năm 2002 ông mới dời nhà qua đất của ông như hiện nay. Theo kết quả khảo sát thì bà Tuyết M đã lấn qua thửa số 467 của ông diện tích 5,4m^2 nên ông yêu cầu gia đình bà M trả lại.

Ngày 07/11/2016 Ông Hứa Văn T làm đơn yêu cầu bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Thái Văn L thửa đất số 468 diện tích 510m^2 tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên hòa giải ngày 15/6/2018 Ông Hứa Văn T rút lại yêu cầu bà Tuyết M trả lại diện tích 5,4m^2 chỉ yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 468 diện tích 429m^2, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/8/1995 cho hộ ông Thái Văn L và yêu cầu công nhận phần diện tích tranh chấp 94,5m^2 cho ông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn gồm:* Chị Thái Thị Mỹ L, chị Thái Trúc P, anh Thái Trúc G ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Lê Thị Tuyết M có ý kiến thống nhất như ý kiến của bà Lê Thị Tuyết M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn gồm*: Chị Hứa Thị L, chị Hứa Thị D, anh Hứa Minh H, đều ủy quyền tham gia tố tụng cho Ông Hứa Văn T và có ý kiến thống nhất như ý kiến của Ông Hứa Văn T. Đối với bà Hứa Thị H, ông Hứa Văn C, bà Hứa Thị Đ và Bà Hứa Thị T không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp giữa ông L, bà M với Ông Hứa Văn T và thống nhất ý kiến như Ông Hứa Văn T.

- *Theo Công văn số 1046/UBND-NC ngày 5 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến như sau:* Thửa đất 468 diện tích 510m^2 (thu hồi công trình Hương Lộ 27 diện tích 81m^2 còn lại 429m^2) tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do gia đình bà Lê Thị Tuyết M sử dụng là của cha bà M là ông Lê Văn T sử dụng trước. Từ năm 1968 - 1986 ông T cho ông Lê Văn Đ là anh em cùng cha khác mẹ với bà Tuyết M ở, đến năm 1986 ông Đ chuyển về tỉnh S sinh sống.

Đến năm 1990 bà Lê Thị Tuyết M về cất nhà ở, ông Đ có tranh chấp được chính quyền hòa giải hai bên thống nhất chia đôi thửa đất và năm 1995 Ủy ban nhân dân huyện cấp quyền sử dụng đất thửa 468, diện tích 510m^2, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông Thái Văn L đứng tên.

Theo tư liệu địa chính năm 1983 ông Lê Văn Đ chỉ kê khai trong sổ mục kê diện tích 350m^2. Do đó diện tích 510m^2 Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng có một phần đất của gia đình Ông Hứa Văn T sử dụng từ năm 1975. Hồ sơ xét cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Thái Văn L là không phù hợp với quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị Tòa án xét xử hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông Thái Văn L đối với thửa 468 diện tích 510m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn L, bà Lê Thị Tuyết M được quản lý, sử dụng 32,5m^2 trong tổng diện tích đất tranh chấp 94,5m^2. Buộc Ông Hứa Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về bị đơn trả lại cho nguyên đơn 32,5m^2 đất, thuộc một phần thửa 468, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 468, chiều dài 23,53m; hướng Tây giáp phần còn lại thửa 468, dài 23,53m; hướng Nam giáp Hương lộ 27 chiều rộng 0,83m; hướng Bắc giáp thửa 469, chiều rộng 2,85m (có sơ đồ kèm theo).

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn L, bà Lê Thị Tuyết M yêu cầu buộc Ông Hứa Văn T trả lại đất có diện tích 62m^2 thuộc một phần thửa 468, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đối với diện tích đất còn lại (sau khi trừ 62m^2 cho hộ ông T) của thửa 468, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, hộ ông L, bà M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về nguyên đơn, được quyền đến Cơ quan chức năng đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn L, bà Lê Thị Tuyết M yêu cầu bị đơn trả lại đất có diện tích 37,3m^2 (trong này có 5,4m^2 thuộc một phần thửa 467; 14,8m^2 thuộc một phần thửa 468; 17,1m^2 thuộc một phần thửa 469 cùng tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh) và yêu cầu di dời tài sản trên đất 02 cây dừa, 02 cây chuối.

- Chấp nhận yêu cầu của Ông Hứa Văn T. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1322, thuộc thửa 468, diện tích 429m^2, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/8/1995 cho hộ ông Thái Văn L.

- Công nhận cho bị đơn được quyền quản lý, sử dụng 62m^2 đất thuộc một phần của thửa 468, diện tích 429m^2, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Buộc nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về nguyên đơn trả lại cho bị đơn 62m^2 thuộc một phần thửa 468, diện tích 429m^2, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa 468, dài 23,53m; hướng Tây giáp thửa 467, dài 23,91m; hướng Nam giáp Hương lộ 27 không có kích thước do hình tam giác; hướng Bắc giáp thửa 469, dài 5,43m (có sơ đồ kèm theo).

- Bác một phần yêu cầu của bị đơn đòi nguyên đơn trả lại 32,5m^2 thuộc một phần thửa 468, diện tích 429m^2, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đình chỉ yêu cầu của Ông Hứa Văn T, đòi nguyên đơn trả lại 5,4m^2 đất thuộc một phần thửa 467 tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, lệ phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/7/2019 ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M trình bày: Theo kết quả khảo sát đo đạt của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh thì diện tích đất tranh chấp 95,6m^2 thuộc thửa số 468 là của bà Tuyết M. Cấp sơ thẩm căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện T xử hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Tuyết M là không có căn cứ. Hiện trạng sử dụng đất Ông Hứa Văn T sử dụng lớn hơn diện tích được cấp quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Vị luật sư cộng tác viên trợ giúp pháp lý Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông Hứa Văn T trình bày: Kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ. Diện tích tranh chấp trước đây gia đình ông T sử dụng cho đến nay. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Thái Văn L là không đúng thủ tục. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ. Theo kết quả khảo sát đo đạc ngày 10/12/2019 và quá trình kê khai đăng ký của nguyên đơn kê khai năm 1983 diện tích 350m^2, năm 1994 diện tích 510m^2, hiện trạng sử dụng đất hiện nay là 383,4m^2 sau khi bị thu hồi 81m^2. Bị đơn kê khai năm 1983, diện tích 700m^2, năm 1994 diện tích 810m^2 hiện trạng sử dụng đất hiện nay là 719,9 m^2 chưa tính phần đất mà ông T chuyển nhượng là 141m^2, cả hai đều kê khai và sử dụng tăng diện tích, nhưng kết quả lồng ghép tư liệu xác định diện tích 95,6m^2 nằm thửa 468 (trong đó có 62m^2 diện tích tranh chấp), cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào công văn trả lời của Ủy ban nhân dân huyện T là chưa xem xét đánh giá đúng chứng cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự Luật sư và Kiểm sát viên.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M còn trong thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M kháng cáo yêu cầu hộ gia đình Ông Hứa Văn T trả lại diện tích 94,5m^2 thuộc thửa 468, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Theo kết quả khảo sát đo đạt do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh số 45/VPĐKĐĐ-KTĐC cung cấp ngày 11/02/2020 diện tích tranh chấp là 126,7m^2. Trong đó (A) diện tích 17,4m^2 thuộc thửa số 469; (B) diện tích 95,6m^2 thuộc thửa 468; (C) diện tích 5,6m^2 thuộc thửa 467. Hiện trạng Ông Hứa Văn T đang sử dụng phần: I, E, R,N, M, K diện tích 737,7m^2; ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M sử dụng phần F, H, S,G diện tích 384 m^2.

[2.1] Diễn biến quá trình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất.

- Đất của ông Thái Văn L:

Theo tư liệu đăng ký năm 1983 do ông Lê Văn Đ (em bà Tuyết M) đăng ký thửa số 391 diện tích 350m^2, năm 1994 ông Thái Văn L đăng ký thửa 468 diện tích 510m^2. Ngày 19/8/1995 ông Thái Văn L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 23/9/2009 Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi diện tích 81m^2 còn lại 429 m$^{2.}$.

- Đất của Ông Hứa Văn T:

Theo tư liệu năm 1983 do Hứa Văn T (cha của ông T) đăng ký thửa 393 diện tích 700m^2, năm 1994 Ông Hứa Văn T đăng ký thửa 467 diện tích 810m^2. Ngày 19/8/1995 Ông Hứa Văn T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 23/9/2009 Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi diện tích 144m^2 còn lại 666m$^{2.}$. Ông T cho con chuyển nhượng diện tích 120m^2 diện tích còn lại 546m^2.

[2.2] Quá trình sử dụng phần diện tích tranh chấp (126,7m^2).

Bà Lê Thị Tuyết M khai trước đây cha của bà có cho cha của ông T cất nhà ở tạm trên phần đất này. Năm 2002, Ông Hứa Văn T đã dời nhà sang phần đất của ông. Ông T thì cho rằng phần diện tích tranh chấp là đất của gia đình ông nên ông yêu cầu công nhận diện tích tranh chấp là của ông.

Qua xem xét hiện trạng sử dụng do các bên chỉ ranh và tư liệu đăng ký kê khai để được cấp quyền sử dụng đất các bên sử dụng đất không đúng theo tư liệu đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên bà Tuyết M chỉ sử dụng diện tích 384m^2 (đã bao gồm phần lệch ranh qua thửa 473 phần H), thửa 469 (phần S) và đất giao thông (phần G) ít hơn diện tích đã cấp giấy 429m^2. Đất của Ông Hứa Văn T sử dụng ông chỉ ranh chưa hết đất của ông đăng ký (phần P) và lệch sang thửa 469 (phần R) diện tích hiện trạng sử dụng lớn hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 2002 đến nay diện tích tranh chấp bên Ông Hứa Văn T không còn sử dụng. Hiện trạng hiện nay là đất trống, cập phần đất tranh chấp phía bên ông T, ông T có trồng 2 cây dừa nhưng hiện nay đã đốn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

" *Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thoả thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp.

Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung."

Trong vụ án này các bên không thỏa thuận được ranh đất với nhau. Vì 2 thửa đất không có vật để xác định ranh giới tồn tại trên 30 năm trở lên. Qua kết quả khảo sát, đo đạc thực tế ngày 24/10/2019 diện tích có phát sinh tranh chấp là 126,7m^2. Trong này có 95,6m^2 thuộc thửa số 468 (phần B) là diện tích hai bên tranh chấp và diện tích 17,4m^2 thuộc thửa 469 (Phần A) và diện tích 8,1m^2 là đất giao thông (phần C).

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ công nhận quyền sử dụng cho bên ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M sử dụng 32,5m^2 và xử hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Thái Văn L là không đúng, nghĩ nên chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M. Sửa bản án sơ thẩm, theo đơn khởi kiện của ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M yêu cầu Ông Hứa Văn T giao trả 94,5m^2 đất tranh chấp. Nhưng qua kết quả khảo sát, đo đạc thực tế do các bên chỉ ranh diện tích tranh chấp là 95,6m^2 thuộc thửa 468, tăng 1,1 m^2. Việc tăng số liệu này do trong quá trình khảo sát, đo đạc không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên buộc ông T trả diện tích 95,6m^2, thuộc thửa số 468 cho hộ ông Thái Văn L. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Hứa Văn T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ pháp luật.

[3] Ý kiến của Vị luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn và kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên được chấp nhận. Ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí và lệ phí thẩm định.

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của Ông Hứa Văn T không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí nhưng ông là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

[4.2] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M được chấp nhận nên ông, bà không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4.3] Lệ phí thẩm định, định giá: Ông Hứa Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, 148, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Hứa Văn T.

3. Buộc Ông Hứa Văn T giao trả diện tích đất tranh chấp cho hộ ông Thái Văn L (gồm ông Thái Văn L, bà Lê Thị Tuyết M, Chị Thái Thị Mỹ L, Chị Thái Trúc P, anh Thái Trúc G) tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 95,6m^2 thuộc thửa số 468, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Thái Văn L.

(Tứ cận của diện tích 95,6m^2 là phần B của sơ đồ khu đất kèm theo bản án này).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Hứa Văn T. Hoàn trả số tiền 940.000 đồng (*Chín trăm bốn chục ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm theo các biên lai N^0 007330 ngày 19/3/2008, N^0 0006330 ngày 10/6/2014, 0005391 ngày 23/6/2016, 0011275 ngày 18/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T cho bà Lê Thị Tuyết M và Thái Văn L.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thái Văn L và bà Lê Thị Tuyết M không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị Tuyết M 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003957 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về lệ phí thẩm định: buộc Ông Hứa Văn T phải chịu toàn bộ số tiền khảo sát đo đạc, định giá là 6.549.562 đồng (*Sáu triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền mà Ông Hứa Văn T đã nộp tạm ứng là 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*), như vậy ông T còn phải nộp tiếp 6.049.562 đồng (*Sáu triệu không trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà Lê Thị Tuyết M được nhận lại số tiền tạm ứng lệ phí còn thừa là 1.406.438 đồng (*Một triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm ba mươi tám đồng)* tại Tòa án nhân dân huyện T và số tiền tạm ứng lệ phí còn

thừa lại là 3.444.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*) tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh. Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T thu số tiền lệ phí thẩm định, định giá của Ông Hứa Văn T là 6.049.562 đồng (*Sáu triệu không trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng*) giao trả lại cho bà Lê Thị Tuyết M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung